

Bản án số: 193/2024/HC-PT

Ngày: 29/3/2024

V/v "khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 847/2023/TLPT-HC ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2023/QĐST-HC ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2594/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa:

* **Người khởi kiện:** Bà Hồ Thị T; địa chỉ: Tổ C, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện: Ông Đào Văn T1; địa chỉ: Tổ B, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Người khởi kiện: Ông Bùi Trọng T2; địa chỉ: Số nhà A, phố M, tổ B, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Có mặt.

* **Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai;

- Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai;

Địa chỉ: Số E, đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đăng K - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến N - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Hồ Thị T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Đào Văn T1 trình bày:

Bà Hồ Thị T sử dụng đất từ năm 2005, nguồn gốc đất là do bà Nguyễn Thị L (mẹ chồng bà T) tặng cho vợ chồng bà T diện tích đất 200,0m², địa chỉ thửa đất tại: Tổ C, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai, có giấy tờ tặng cho viết tay. Sau khi được bà L tặng cho đất, bà T đã xây dựng 02 gian nhà cấp IV, mỗi gian khoảng 30,0m². Khi bà T xây dựng nhà để ở không bị cơ quan có thẩm quyền đến lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng. Năm 2012, bà T và ông Nguyễn Văn H (chồng bà T và là con trai bà L) ly hôn, được Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết theo quy định của pháp luật; bà T và ông H tự thỏa thuận chia tài sản chung là quyền sử dụng diện tích đất 200,0m² và tài sản trên đất là 02 gian nhà xây cấp IV mỗi người được sử dụng 100,0m² và tài sản trên đất là 01 gian nhà. Sau khi ly hôn bà T vẫn tiếp tục sinh sống tại đây. Năm 2017, nhà và đất của bà T nằm vào quy hoạch Tiểu khu đô thị số A thuộc Khu đô thị M - C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Tháng 3/2017 Hội đồng bồi thường thành phố Lào Cai đã kết hợp với đại diện nhân dân, tổ trưởng tổ 31 và Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường B tổ chức kiểm đếm tài sản là nhà và đất ở của bà T. Hộ bà T và ông H đều đo đạc, thống kê riêng, không có liên quan. Tuy nhiên, bà T không nhận được thông báo và quyết định thu hồi, bảng phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất 100,0m² của mình. Do đó, bà T không bàn giao diện tích đất này cho UBND thành phố L và vẫn tiếp tục sinh sống tại đây.

Ngày 11/12/2021, bà T có làm Đơn gửi đến UBND thành phố L xem xét giao đất tái định cư vì ngoài gian nhà cấp IV diện tích 30,0m² trên diện tích đất 100,0m² tại tổ C, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai thì bà không có nơi ở nào khác. Ngày 19/5/2023 thì bà T mới nhận được Văn bản trả lời đơn số 37/UBND-TNMT của Chủ tịch UBND thành phố L. Bà T thấy rằng văn bản này đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Văn bản số 37/UBND-TNMT ngày 19/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai về việc trả lời đơn thư của bà Hồ Thị T.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L trình bày:

Bà Hồ Thị T là vợ của ông Nguyễn Văn H, đã ly hôn từ năm 2012; ông Nguyễn Văn H là con trai của bà Nguyễn Thị L.

Hộ bà Nguyễn Thị L là hộ có đất ở và đất nông nghiệp bị thu hồi để thực hiện dự án: Khu đô thị mới, Tiểu khu đô thị số A, Khu đô thị mới Lào Cai - C, thành phố L; đất ở chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của UBND phường B ngày 13/5/2022); đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSDĐ số BD 713810, số vào sổ 00495 cấp ngày 29/10/2010 cho hộ bà Nguyễn Thị L. UBND thành phố L đã phê duyệt thu hồi đất tại Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 và điều chỉnh tại Quyết định số 6 37/QĐ-UBND ngày 09/6/2022; Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 và điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 09/6/2022; Giao đất tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 và điều chỉnh tại Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 (giao thửa đất số 37, TĐC1, đường N kéo dài, Tiểu khu đô thị số A, phường B, thành phố L).

Ông Nguyễn Văn H có tên trong sổ hộ khẩu hộ bà Nguyễn Thị L. Ngày 30/3/2005 ông Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn với bà Hồ Thị T có hộ khẩu tại tỉnh Lai Châu, thủ tục đăng ký kết hôn thực hiện tại UBND phường B. Sau khi kết hôn, bà Hồ Thị T nhập khẩu vào hộ bà Nguyễn Thị L. Ngày 12/10/2011 ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị T tách hộ khẩu cùng nhà bà Nguyễn Thị L thành 01 sổ hộ khẩu riêng. Ngày 09/7/2012, ông Nguyễn Văn H và Hồ Thị T ly hôn (tại Quyết định số 45/2012/QĐHNGĐ-ST của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai). Sau khi ly hôn, bà Hồ Thị T không tách khẩu chuyển đi mà vẫn chung khẩu với ông Nguyễn Văn H tại khu vực GPMB tổ 31, phường B.

Căn cứ hồ sơ đất đai, hồ sơ GPMB và giấy tờ có liên quan do bà Hồ Thị T cung cấp, bà Hồ Thị T không có đất thu hồi tại dự án Khu đô thị mới, Tiểu khu đô thị số A, Khu đô thị mới Lào Cai - C, thành phố L. Mặt khác, tại thời điểm thu hồi đất, bà Hồ Thị T đã ly hôn với ông Nguyễn Văn H và theo Báo cáo số 240/BC-UBND ngày 26/10/2021 của UBND phường B, bà Hồ Thị T không sinh sống tại khu vực giải phóng mặt bằng dự án. Đối chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ, bà Hồ Thị T không đủ điều kiện giao đất tái định cư.

Ngày 11/12/2021, bà Hồ Thị T có đơn đề nghị UBND thành phố L: *Xem xét cấp cho bà Hồ Thị T 01 thửa đất ở tại dự án Khu đô thị M, khu đô thị M, phường B, thành phố L.* Từ những căn cứ trên, ngày 19/5/2022, Chủ tịch UBND thành phố L có Văn bản số 37/UBND-TNMT về việc trả lời đơn bà Hồ Thị T, nội dung: *Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì điều kiện để hộ gia đình, cá nhân được xem xét giao đất tái định cư phải thuộc đối tượng Nhà nước thu hồi đất, hoặc trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi*

đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng. Bà Hồ Thị T không có đất thu hồi, tại thời điểm thu hồi đất đã ly hôn với ông Nguyễn Văn H, không cùng chung sống trên thửa đất thu hồi khi giải phóng mặt bằng. Vì vậy, UBND thành phố L không có cơ sở để xem xét giao đất tái định cư cho bà Hồ Thị T.

Vì vậy, việc bà Hồ Thị T yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai huỷ Văn bản số 37/UBND-TNMT ngày 19/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố L về việc trả lời đơn thư bà Hồ Thị T là không có cơ sở giải quyết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2023/QĐST-HC ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 100, Điều 101, Điều 75, Điều 79, Điều 83 Luật Đất đai 2013; Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp GCNQSDĐ, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc: Huỷ Văn bản số 37/UBND-TNMT ngày 19/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai về việc trả lời đơn thư của bà Hồ Thị T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, người khởi kiện là Bà Hồ Thị T có đơn kháng cáo đề nghị huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2023/HC-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai và huỷ Văn bản số 37/UBND-TNMT ngày 19/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; có mặt người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và cho rằng quá trình UBND thành phố L thu hồi, phê duyệt phương án bồi thường để thực hiện dự án Khu đô thị mới, tiểu khu đô thị số A, khu đô thị M - C, thành phố L; UBND thành phố L đã không xem xét giao đất tái định cư cho bà T là không đúng. Ông H, bà T đã được bà L cho 200m² đất, có giấy tờ cho đất; sau đó ông H, bà T đã xây 02 nhà cấp 4 trên diện tích 200m². Năm 2012, ông H, bà T ly hôn; sau khi ly hôn ông H, bà T tự thỏa thuận chia tài sản chung, theo đó ông H, bà T mỗi người được sử dụng 100m² đất, trên đất có 01 nhà cấp bốn khoảng 30m². Quá

trình kiểm kê, hộ ông H, bà T đều được đo đạc, thống kê riêng nhưng bà T không nhận được quyết định thu hồi và quyết định phê duyệt phương án bồi thường. Hiện nay, bà T không còn nơi ở nào khác nên việc bà T đề nghị được giao đất tái định cư là phù hợp quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai và hủy Văn bản số 37/UBND-TNMT ngày 19/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện đảm bảo đúng với quy định tại các Điều 204, 205 và 206 Luật Tố tụng hành chính do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp luật và xử không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Hồ Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

- *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

- Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thị T gửi đến Tòa án đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, Điều 205 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 25/4/2023, bà Hồ Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 37/UBND-TNMT ngày 19/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai về việc trả lời đơn thư của bà Hồ Thị T. Văn bản này không

phải là quyết định hành chính nhưng là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Đối với Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 về việc thu hồi đất và Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND thành phố L đối với hộ bà Nguyễn Thị L không phải là quyết định hành chính bị kiện, nhưng là quyết định hành chính liên quan nên được xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Hồ Thị T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Bà Nguyễn Thị L có 1.110m² đất vườn tạp tại tổ C, phường B, thành phố L. Năm 2004, con trai bà là ông Nguyễn Văn H kết hôn với bà Hồ Thị T và sinh sống trên cùng thửa đất của bà L. Ngày 05/4/2004, bà L tặng cho vợ chồng bà T 200m² đất thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 02 (P) để làm nhà ở; việc tặng cho có giấy tờ viết tay, không có người làm chứng và không có xác nhận của chính quyền địa phương. Năm 2005, vợ chồng ông H, bà T xây dựng 02 căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 60m² trên mảnh đất được bà L tặng cho; Năm 2012, vợ chồng bà T ly hôn. Theo thỏa thuận phân chia tài sản thì bà T được sử dụng 100m² đất có xây nhà cấp 4, diện tích khoảng 30m²; ông H sử dụng 100m² đất có 01 gian nhà cấp 4 khoảng 30m².

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Văn bản số 37/UBND-TNMT ngày 19/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai về việc trả lời đơn thư của bà Hồ Thị T và các Quyết định hành chính liên quan.

[2.2.1]. Về thẩm quyền ban hành:

Ngày 11/12/2021, bà Hồ Thị T có Đơn đề nghị UBND thành phố L xem xét cấp cho bà 01 thửa đất ở tại dự án Khu đô thị M, khu đô thị M, phường B, thành phố L. Ngày 19/5/2022, Chủ tịch UBND thành phố L ban hành Văn bản số 37/UBND-TNMT về việc trả lời đơn thư là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Chính phủ.

Đối với Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 về việc thu hồi đất và Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do UBND thành phố L ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai 2013.

[2.2.2] Về việc thực hiện hành vi hành chính liên quan đến đề nghị giao đất tái định cư của bà Hồ Thị T.

Người khởi kiện bà Hồ Thị T cho rằng năm 2005 bà và chồng là ông Nguyễn Văn H được bà Nguyễn Thị L (mẹ ông H) tặng cho diện tích đất 200,0m² tại tổ C, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai, có giấy tờ tặng cho viết tay. Sau khi được tặng cho đất, bà T đã xây dựng 02 gian nhà cấp 4, mỗi gian khoảng 30,0m². Năm 2012, bà T và ông Nguyễn Văn H (chồng bà T và là con trai bà L) ly hôn, được Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật. Khi ly hôn thì tài sản chung là quyền sử dụng diện tích đất 200,0m² và tài sản trên đất là 02 gian nhà xây cấp 4 giữa bà T và ông H tự thỏa thuận phân chia mỗi người được sử dụng 100,0m² và tài sản trên đất là 01 gian nhà 30m². Sau khi ly hôn bà T vẫn tiếp tục sinh sống tại đây. Năm 2017, nhà và đất của bà T nằm vào quy hoạch Tiểu khu đô thị số A thuộc Khu đô thị M - C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Tháng 3/2017, Hội đồng bồi thường thành phố L đã kết hợp với đại diện nhân dân, tổ trưởng tổ 31 và UBND phường B tổ chức kiểm đếm tài sản là nhà và đất ở của bà T. Bà T và ông H đều được đo đạc, thống kê riêng. Tuy nhiên, sau đó bà T không được thu hồi đất, hỗ trợ, bồi thường gì đối với diện tích đất đã bị thu hồi.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bà T cung cấp Giấy tờ tặng cho quyền sử dụng đất cho con đẻ ngày 05/4/2004, trong đó có nội dung bà Nguyễn Thị L cho con Hồ Thị T 200m² đất để làm nhà ở. Giấy tặng cho không có người làm chứng, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Đồng thời, giấy trao tặng đất cho con đẻ ngày 05/4/2004 của bà L không thể hiện vị trí đất tặng cho ở đâu, thửa đất nào. Ngoài ra, bà T còn cho rằng năm 2004 bà L tặng cho vợ chồng bà T và ông H nhưng trong giấy tờ tặng cho không thể hiện nội dung này mà chỉ ghi bà Nguyễn Thị L cho con Hồ Thị T, thời điểm này bà T và ông H chưa đăng ký kết hôn (bà T và ông H đăng ký kết hôn ngày 30/3/2005). Sau khi được tặng cho quyền sử dụng đất ông H, bà T cũng không thực hiện làm thủ tục đăng ký, kê khai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngày 29/10/2010 hộ bà L được UBND thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 713810, số vào sổ 00495 đối với diện tích đất vườn tạp tại thửa số 7, tờ bản đồ P2-18, diện tích 1.110,0m²; hộ bà L chỉ còn diện tích đất ở chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc bà T cho rằng bà Nguyễn Thị L đã tặng cho bà và ông H 200m² đất là không có cơ sở.

Mặt khác, tại thời điểm Nhà nước thực hiện thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới, Tiểu khu đô thị số A, Khu đô thị mới Lào Cai - C, thành phố L năm 2017, bà T cũng không có ý kiến gì về việc được bà L tặng cho đất hay xuất trình giấy tờ liên quan đến việc tặng cho. Do đó, UBND thành phố L xác định bà T không có đất bị thu hồi tại dự án Khu đô thị mới, Tiểu khu đô thị số A, Khu đô thị mới Lào Cai - C, thành phố L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc xem xét điều kiện để hộ gia đình, cá nhân được giao đất tái định cư trường hợp trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống: Xét thấy, bà T và ông H đã ly hôn trước thời điểm Nhà nước thu hồi đất (năm 2012), hơn nữa theo Báo cáo số 240/BC-UBND ngày 26/10/2021 của UBND phường B thì bà T không sinh sống tại khu vực giải phóng mặt bằng dự án. Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất như sau: “*Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình.*”

UBND thành phố L xác định ông H cùng chung sống trên thửa đất ở bị thu hồi của bà L, hộ ông H chưa được giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn phường B và không có nơi ở nào khác trên địa bàn phường B. Ngày 09/6/2022, UBND thành phố L phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, trong đó giao đất ở mới cho ông H là hộ cùng chung sống trên thửa đất bị thu hồi, đủ điều kiện được giao đất tái định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP là đúng quy định.

Do bà T không có đất bị thu hồi, tại thời điểm thu hồi đất đã ly hôn với ông H, không cùng chung sống trên thửa đất thu hồi khi giải phóng mặt bằng, không có quan hệ huyết thống, không có quan hệ hôn nhân nên không đủ điều kiện xác định là hộ gia đình phát sinh, không đủ điều kiện giao đất tái định cư. Vì vậy, UBND thành phố Lào Cai không ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá và căn cứ vào các quy định pháp luật, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hồ Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[5]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo người khởi kiện bà Hồ Thị T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2021/HC-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng bà Hồ Thị T đã nộp tại Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0000385 ngày 19/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai (do ông Bùi Trọng T2 nộp thay). Xác nhận bà Hồ Thị T đã nộp đủ tiền án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (qua địa chỉ);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải